TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DSST
Ngày: 01-7-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phương Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn và bà Trần Thị Thanh Xuân.

-Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thư ký Toà án nhân dân thành phố H.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Linh Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H (số 60 Đường NH - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2020/TLST- DS ngày 26/10/2020; về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Địa chỉ: 130 Đường PDL, phường 3, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc L, chức vụ: Phó phòng phát triển kinh doanh. Địa chỉ: 11/2 Đường HQV, phường AD, thành phố H (Theo văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 11 năm 2020) - có mặt.

***Bị đơn*:** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: 14 Đường HV, phường PN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Thực hiện việc ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, ngày 02/8/2017 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh thành phố H có ký hợp đồng tín dụng (vay tài sản) với bà Phạm Thị T số 00275014/0092604301T17107 ngày 02/8/2017. Theo hợp đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh thành phố H cho bà T vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất là 9%/năm, tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 17.28%/năm, lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất trong hạn, tỷ lệ phí thanh lý trước hạn, tối thiểu 5%. Phương thức cho vay từng lần,

phương thức tính lãi được tính trên nợ gốc ban đầu. Trả nợ gốc và lãi trả góp thành 24 kỳ bằng nhau, góp một kỳ là 1.475.000đồng. Chi tiết số tiền thanh toán theo từng kỳ đính kèm hợp đồng, ngày thanh toán đầu tiên vào ngày 08/9/2017. Biện pháp bảo đảm là tín chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 02/8/2017 đến ngày 12/02/2020 bà T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 22.650.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 18.240.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.410.000 đồng, sau đó thì ngưng không thanh toán.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên từ ngày 02/8/2019 Ngân hàng TMCP Đ đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 12/02/2020 bà Phạm Thị T còn nợ tổng số tiền là 14.320.000 đồng, trong đó nợ gốc là 11.760.000 đồng, nợ lãi trong hạn 990.000 đồng và lãi quá hạn là 1.570.000 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 01/7/2021) là 16.483.370 đồng, trong đó nợ gốc là 11.760.000 đồng, nợ lãi trong hạn 990.000 đồng và lãi quá hạn là 3.733.370 đồng.

Tiền lãi phát sinh được tiếp tục tính theo thỏa T tại hợp đồng tín dụng số 00275014/0092604301T17107 kể từ ngày 02/7/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ trên.

Bị đơn – bà Phạm Thị T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn bà Phạm Thị T đã được niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên toà hợp lệ lần thứ hai , nhưng bà T vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng tín dụng số 00275014/0092604301T17107 ngày 02/8/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Huế với bà Phạm Thị T thể hiện nội dung: Ngân hàng

TMCP Đ có cho bà Phạm Thị T vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 24 tháng, nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện và nội dung thỏa T tại khoản 13.1 mục 13 Hợp đồng tín dụng số 00275014/0092604301T17107 ngày 02/8/2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng số 00275014/0092604301T17107 ngày 02/8/2017 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Huế với bà Phạm Thị T đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa T giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán được cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay gốc là 18.240.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 4.410.000 đồng. Sau đó thì bà T không thanh toán tiếp số tiền nợ đến hạn, như vậy bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa T, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng TMCP Đ. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 16.483.370 đồng, trong đó nợ gốc là 11.760.000 đồng, nợ lãi trong hạn 990.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 3.733.370 đồng là có cơ sở cần chấp nhận.

[4] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 02/7/2021 cho đến khi bà Phạm Thị T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa T trong hợp đồng tín dụng số 00275014/0092604301T17107 ngày 02/8/2017.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) với bị đơn bà Phạm Thị T.

Buộc bà Phạm Thị T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền còn nợ (theo hợp đồng tín dụng số 00275014/0092604301T17107 ngày 02/8/2017) tính đến ngày xét xử sơ thẩm (01/7/2021) là 16.483.370 đồng (trong đó nợ gốc là 11.760.000 đồng, nợ lãi trong hạn 990.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 3.733.370 đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 02/7/2021 cho đến khi bà Phạm Thị T trả xong các khoản nợ mức lãi suất thỏa T trong hợp đồng tín dụng số 00275014/0092604301T17107 ngày 02/8/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị T phải chịu 824.168đồng (Làm tròn 824.000đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 580.000 đồng (Năm trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000602 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát NDTP Huế;
-Tòa án ND tỉnh TT-Huế;
-Chi cục THADSTP Huế;
-Lưu.

Lê Thị Phương Dung